

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin World Bank duy trì dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 4.8% năm nay với kì vọng dịch Covid-19 được kiểm soát trong quý 3 và biện pháp cách ly dần được nới lỏng trong quý 4

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

KBC, VPB

## [Cập nhật công ty]

KBC

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, ngoài phần vị thế nắm giữ trung hạn, chỉ kê mua lại một phần vị thế trading ở vùng giá thấp trong các nhịp điều chỉnh.

28/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,339.31	+1.08
VN30	1,451.12	+0.83
HĐTL VN30F1M	1,454.40	+1.42
HNXIndex	356.03	+0.86
HNX30	571.61	+1.50
UPCoM	96.01	+0.26
USD/VND	22,768	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.12	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.64	+8
Dầu (WTI, \$)	76.17	+0.95
Vàng (LME, \$)	1,742.31	-0.45



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,339.31 (+1.08%)  
**KLGD (triệu CP)** 623.5 (-11.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 806.7 (-15.7%)

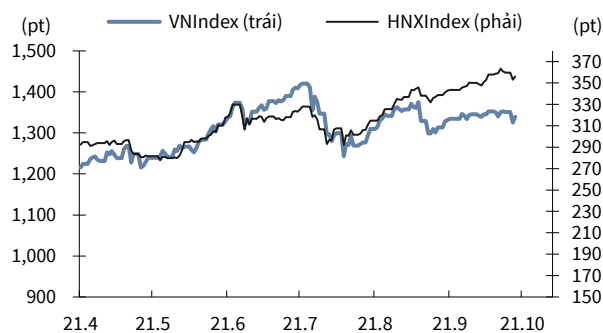
**HNXIndex** 356.03 (+0.86%)  
**KLGD (triệu CP)** 159.1 (+0.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 113.1 (-9.1%)

**UPCoM** 96.01 (+0.26%)  
**KLGD (triệu CP)** 111.6 (+3.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 79.6 (-2.5%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +20.7

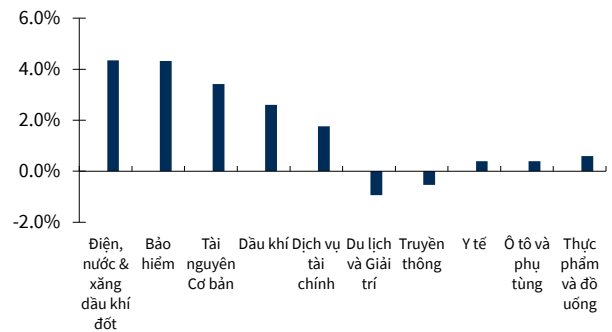
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin World Bank duy trì dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 4.8% năm nay với kì vọng dịch Covid-19 được kiểm soát trong quý 3 và biện pháp cách ly dần được nới lỏng trong quý 4. Goldman Sachs dự báo giá dầu Brent cuối năm tăng lên 90 USD/thùng, nguồn cung toàn cầu thắt chặt do OPEC+ gặp khó khăn trong tăng sản lượng vì thiếu đầu tư hoặc bảo dưỡng trong đại dịch, giúp cổ phiếu ngành dầu khí tăng ở PVD (+7%), PVS (+8.0%). SBV cho biết sẽ tăng hạn mức tín dụng cho các ngân hàng và điều chỉnh phù hợp lãi suất theo đúng cam kết trong thời gian tới, giúp cổ phiếu ngành ngân hàng tăng ở TPB (+1.8%), BID (+1.8%). Theo Reuters, giá than tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh tại Ấn Độ, Anh và Trung Quốc, giúp giá cổ phiếu ngành than tăng ở NBC (+9.7%), THT (+9.7%). Khối ngoại mua ròng ở HPG (+3.6%), VNM (+0.6%), HCM (+4.1%).

## VNIndex & HNXIndex



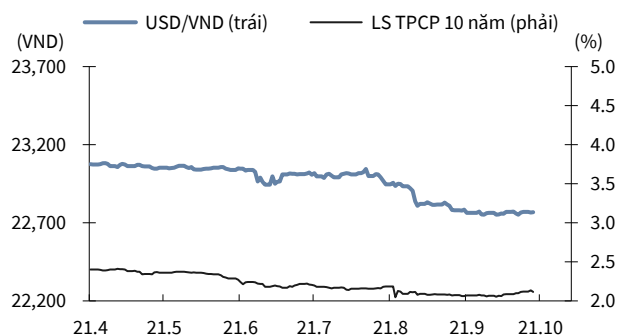
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

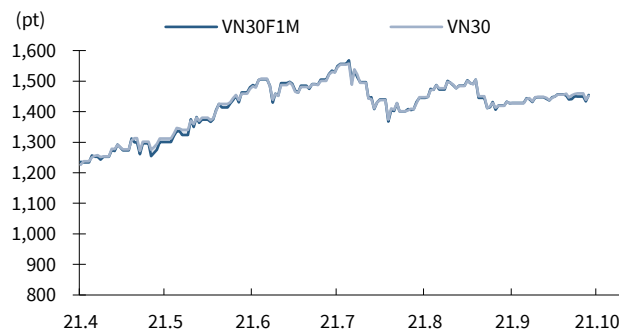
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,451.12 (+0.83%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,454.4 (+1.42%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,430.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,454.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,429.5</b>

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2110 và VN30 mở cửa ở mức -5.2 điểm, và biến động với biên độ âm trong phiên, sau đó bất ngờ đảo chiều trong phiên ATC và đóng cửa ở mức 3.3 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm mạnh.

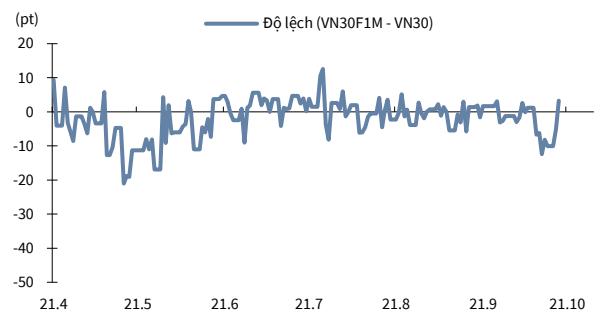
**KLGD (HĐ)**      **163,896 (+22.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



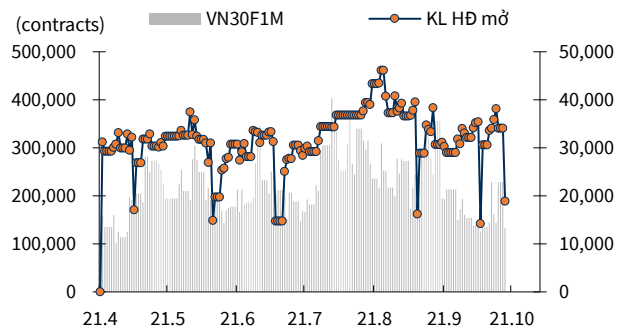
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



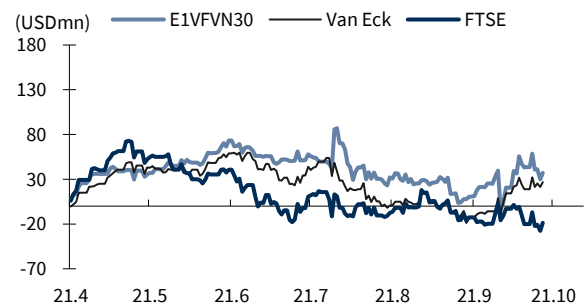
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

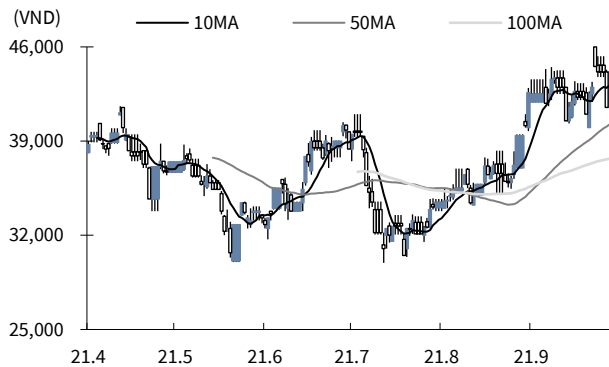
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc (KBC)

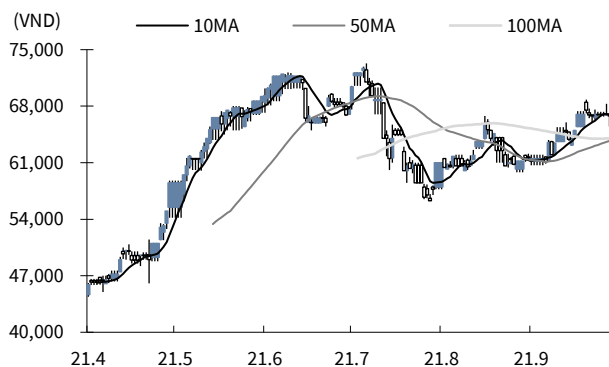


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 6.39% lên 44,150 VND/cp

- Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc thông báo phát hành 100 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với giá 34,096 đồng/cp, tương đương số tiền huy động dự kiến đạt 3,409.6 tỷ đồng. Số cổ phiếu phát hành riêng lẻ này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày phát hành.

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB giảm 0.30% xuống 66,800 VND/cp

- VPBank thông báo 8/10 là ngày đăng ký cuối cùng với cổ đông nhằm chốt quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ngân hàng sẽ tăng vốn thêm gần 19,800 tỷ đồng.

# Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc (KBC)

## Triển vọng kinh doanh tích cực nhờ quỹ đất lớn

Chuyên viên phân tích – Phạm Nhật Anh

(+84) 33-2780-140

anhpn@kbsec.com.vn

28/09/2021

**Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 50,000 VNĐ**

**Diện tích đất thương phẩm chuẩn bị mở bán tăng mạnh trong 2 năm tới: 309 ha lên 954 ha mảng KCN, 56 ha lên 306 ha KĐT**

**Biên gộp duy trì ở mức cao – 57.1% vào H1/2021 nhờ giá bán các dự án đã tăng đáng kể**

**Định giá ở mức hấp dẫn khi KBC vẫn đang liên tục nghiên cứu và mở rộng quỹ đất hiện có**

Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu KBC với giá mục tiêu 50,000 VNĐ/ cổ phiếu, tương đương mức tổng lợi suất sinh lời 20.5% dựa trên phương pháp định giá tổng tài sản (RNAV). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị dựa trên các yếu tố sau:

Chúng tôi ước tính quỹ đất KCN của KBC có thể bán sẽ tăng từ 309 ha lên 954 ha nhờ: 456 ha thương phẩm tại KCN Tràng Duệ 3, 111 ha thương phẩm tại cụm công nghiệp Long An, và 78 ha tại KCN Quang châu mở rộng hiện đã được phê duyệt 1/2000. Mảng KĐT cũng được kì vọng sẽ đóng góp đáng kể từ 2023 khi KĐT Trảng Cát bắt đầu mở bán, qua đó nâng diện tích KĐT thương phẩm của KBC từ 56 ha lên 306 ha.

Chúng tôi nhận thấy giá bán tại các KCN của KBC đã có sự cải thiện đáng kể so với 2020, cụ thể: giá bán tại Quang Châu đã tăng từ 90 USD/m<sup>2</sup> lên 108 USD/m<sup>2</sup>, giá bán tại Tân Phú Trung đã tăng từ 110 USD lên 134 USD/m<sup>2</sup>, qua đó giúp biên gộp mảng KCN cải thiện từ mức 25.5% vào 2020 lên 57.4% H1/2021. Chúng tôi cũng kì vọng các dự án sắp tới của KBC sẽ có biên gộp cải thiện khi: KĐT Phúc Ninh hiện đang có giá thị trường trên 30 tr/m<sup>2</sup> trong khi giá bàn giao các hợp đồng cũ mới chỉ 18tr/m<sup>2</sup>, KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (NSHL) bàn giao giá 90 USD/m<sup>2</sup> trong khi giá khu vực xung quanh giao động từ 100-120 USD/m<sup>2</sup>.

Với vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực KCN và có mối quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, KBC đã liên tục gia tăng quỹ đất sở hữu: dự án KĐT Nam Vũng Tàu 69 ha được UBND Vũng Tàu chọn làm CĐT vào 2020, dự án KCN Nam Tân Tập 245 ha (sở hữu 41%) đã được thủ tướng phê duyệt, và 2500 ha diện tích KCN khác đang nghiên cứu tại Bình Giang, Hưng Yên và Long An.

## Mua

### Giá mục tiêu

**VNĐ 50,000**

Tăng/ giảm (%)	20.5%
Giá hiện tại (27/09/2021)	VNĐ 41,500
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 48,600

### Dự phóng KQKD & định giá

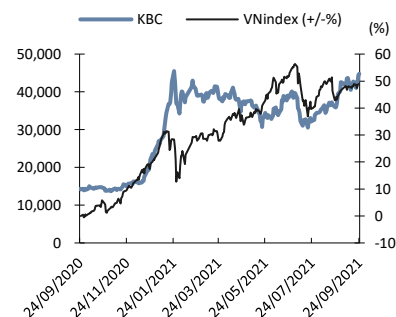
FY-end	2019	2020	2021	2022
Doanh số thuần (tỷ đồng)	3,210	2,151	4,626	5,089
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	1,533	366	2,580	2,780
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1,041	320	1,308	1,509
EPS (VNĐ)	1,931	471	2,045	2,358
P/E (x)	8.0	51.7	20.3	17.6
P/B (x)	0.78	1.19	1.60	1.45
ROE (%)	10.3%	3.0%	10.2%	9.6%
Dividend yield (%)	6.5%	N/A	N/A	N/A

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	69.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	438
Sở hữu nước ngoài (%)	17.63%
Cổ đông nhà nước	0%

### Stock price volatility

(%)	1M	3M	6M	12M
KBC	24.7%	15.9%	15.3%	212.9%
VNINDEX	4.3%	-1.8%	16.6%	49.2%



Source: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

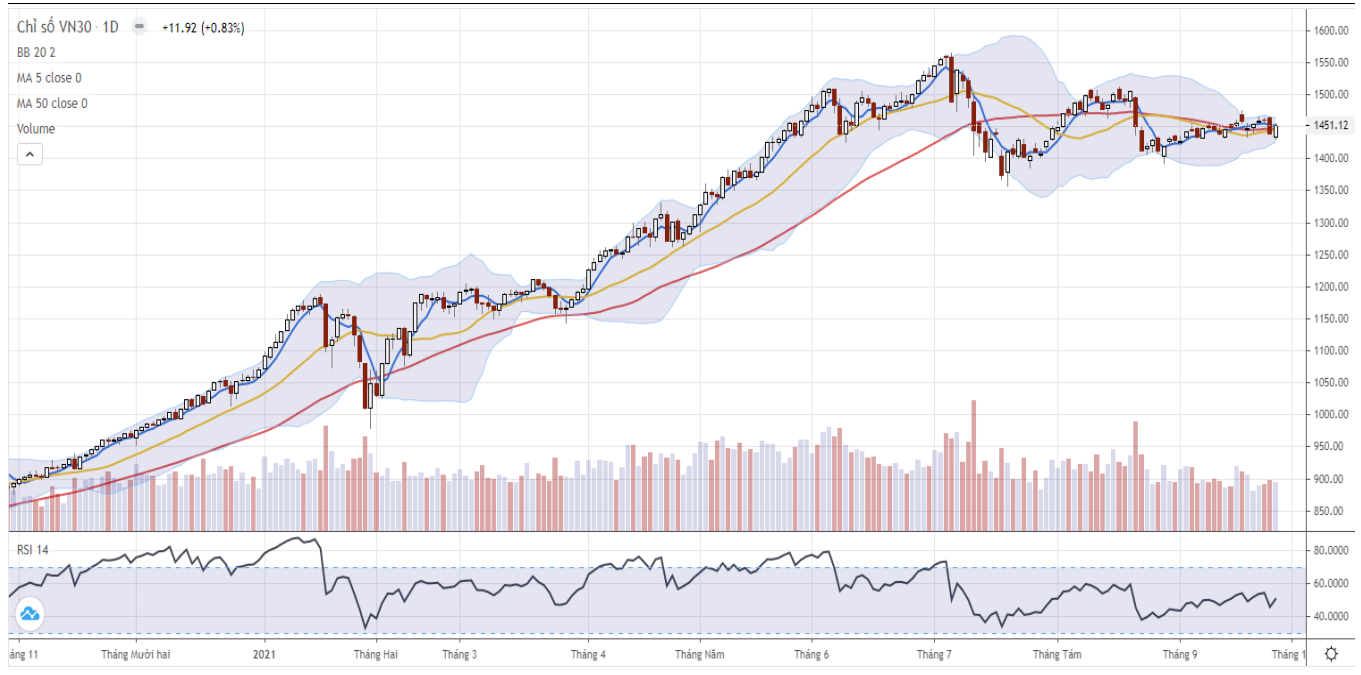
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



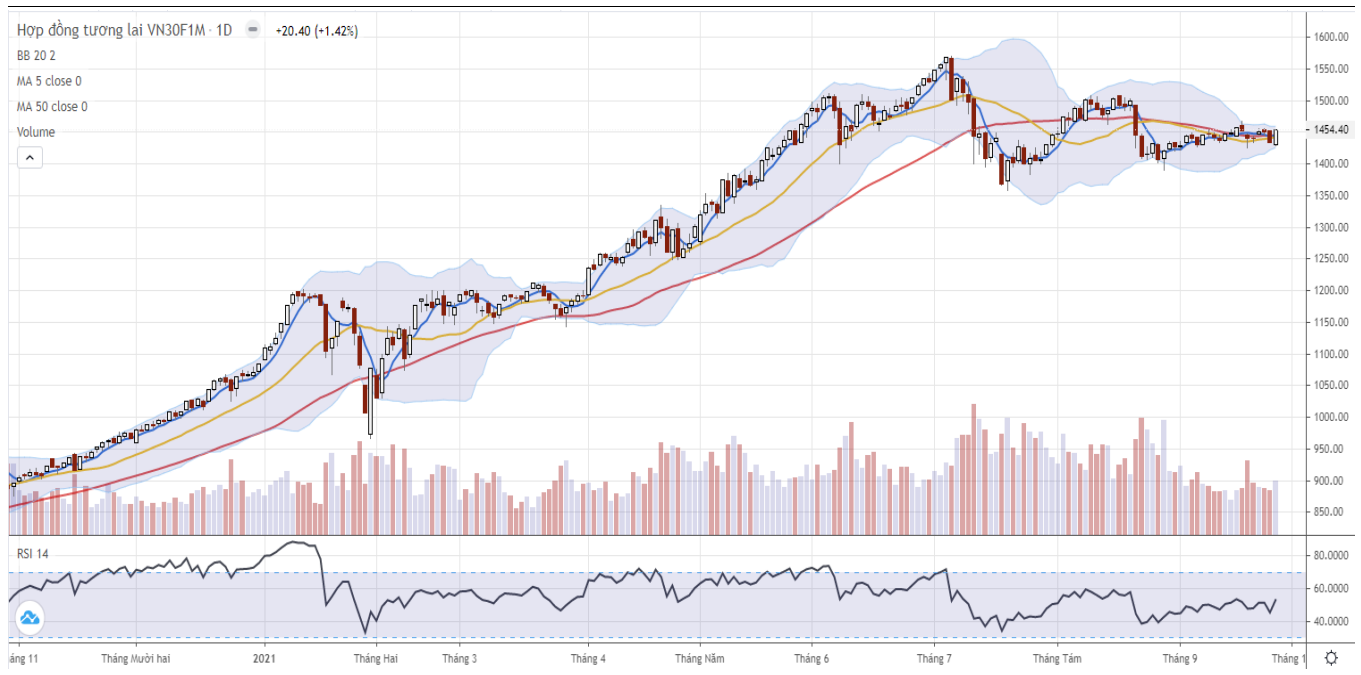
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và bật tăng khá tích cực về cuối phiên.
- Với việc cho phản ứng sớm tại vùng hỗ trợ gần quanh 130x, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có nhiều cơ hội tiếp nối đà tăng điểm. Tuy nhiên, kịch bản này chỉ được xác nhận nếu VNIndex vượt qua được vùng kháng cự then chốt quanh 1360.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, ngoài phần vị thế nắm giữ trung hạn, chỉ kê mua lại một phần vị thế trading ở vùng giá thấp trong các nhịp điều chỉnh.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1471 - 1476

Kháng cự gần: 1460 - 1465

Hỗ trợ gần: 1446 - 1449

Hỗ trợ xa: 1438 - 1443

— F1 diễn biến giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và bật tăng tích cực về cuối phiên.

— Với việc cho phản ứng sớm tại vùng hỗ trợ gần 142x, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có nhiều cơ hội tiếp nối đà tăng điểm. Tuy nhiên, kịch bản này chỉ được xác nhận nếu F1 vượt qua được vùng kháng cự then chốt 146x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế qua đêm đã mở và chỉ đóng khi chỉ số đánh mất hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

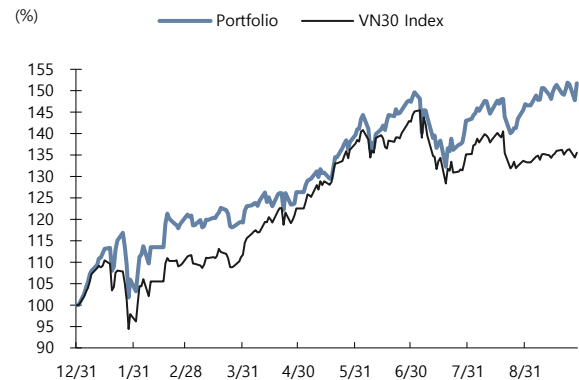
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.83%	2.69%
Tăng lũy kế (YTD)	35.52%	51.74%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	126,700	0.6%	64.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	42,500	3.7%	73.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	93,000	2.2%	21.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,000	0.0%	122.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hợp đồng vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	64,500	4.0%	89.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,000	1.0%	219.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	30,950	-0.2%	63.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,100	5.7%	29.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	52,600	3.5%	263.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	44,150	6.4%	222.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	3.5%	26.0%	95.6
VNM	0.6%	54.6%	87.4
HCM	4.1%	47.3%	54.3
KBC	6.4%	17.6%	54.1
VHC	5.8%	23.0%	36.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GAS	5.7%	2.5%	-85.9
HDB	-0.2%	18.0%	-59.3
KDH	0.6%	31.0%	-50.2
VIC	0.5%	13.9%	-36.0
PLX	2.0%	17.6%	-34.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	8.0%	8.0%	2.5
SHB	-1.5%	4.0%	1.8
DL1	-1.9%	1.9%	1.3
THD	0.3%	1.7%	0.7
TDN	9.8%	1.5%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SED	-1.5%	14.0%	-4.6
PGS	9.8%	2.5%	-4.6
VCS	3.2%	3.9%	-3.3
PVG	10.0%	1.7%	-2.6
TNG	1.8%	7.3%	-2.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.6%	GAS, PGD
Bảo hiểm	4.8%	BVH, BMI
Dầu khí	3.0%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	2.1%	HPG, DLG
Bán lẻ	1.9%	MWG, ABS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-3.8%	SSI, FTS
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.9%	LGC, APH
Hóa chất	-2.4%	GVR, DCM
Thực phẩm và đồ uống	-1.9%	MSN, HNG
Xây dựng và Vật Liệu	-1.8%	TGG, VGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	14.3%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	7.6%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	7.0%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.9%	GAS, PGD
Dầu khí	4.1%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-8.4%	DHG, DCL
Bất động sản	-3.6%	GVR, DPM
Hóa chất	-3.6%	VIC, VHM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.2%	APH, LGC
Dịch vụ tài chính	-1.9%	SSI, FTS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	280,196 (12.3)	22.5	57.5	55.3	14.7	4.1	5.7	3.6	3.4	0.5	1.1	-8.8	-10.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	936,520 (41.1)	26.6	10.2	9.3	35.9	32.0	26.9	2.8	2.1	0.4	1.3	-4.5	14.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	144,299 (6.3)	17.8	25.7	17.9	-7.6	6.8	10.4	2.2	2.1	0.9	0.4	6.3	-9.2
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	225,096 (9.9)	31.3	35.4	18.9	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	0.2	-0.4	-1.2	113.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	113,401 (5.0)	11.6	24.8	18.3	18.0	12.3	14.4	2.8	2.4	0.6	-0.4	6.3	56.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	91,813 (4.0)	13.9	10.9	8.1	-	16.3	18.5	1.6	1.3	1.1	0.8	2.0	38.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	82,055 (3.6)	6.3	18.7	14.6	11.7	19.7	20.1	3.2	2.6	1.2	1.2	1.4	1.3
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	55,984 (2.5)	12.7	17.3	12.3	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.8	1.8	1.1	3.6	-16.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	404,673 (17.8)	0.0	10.4	8.7	14.3	20.4	20.2	1.9	1.6	0.6	-1.2	3.6	58.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	282,456 (12.4)	1.4	10.8	8.1	61.1	18.3	20.5	1.3	1.2	-0.2	-1.7	-0.6	15.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	433,941 (19.1)	0.0	13.0	11.0	18.8	22.9	16.6	2.0	1.7	-0.3	-0.1	9.2	105.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	355,720 (15.6)	0.0	8.7	7.2	14.6	22.1	22.3	1.6	1.3	0.0	0.0	0.0	65.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	55,833 (2.5)	4.2	9.3	8.1	23.3	22.2	21.5	1.7	-	-0.2	-0.4	-4.0	33.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	319,725 (14.0)	14.0	18.2	13.4	26.5	10.3	12.6	-	-	0.2	-0.9	-2.7	57.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	280,467 (12.3)	0.0	9.2	7.7	37.5	23.1	21.1	1.9	1.5	1.8	1.8	19.7	51.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	13,472 (0.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.2	-3.6	-3.0	23.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	85,307 (3.7)	21.0	26.3	23.8	15.8	8.2	8.6	2.0	1.9	3.9	5.4	9.9	-11.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	33,990 (1.5)	14.2	16.7	17.2	9.1	12.0	12.0	1.8	1.7	6.9	4.7	18.4	57.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	532,075 (23.4)	55.4	15.6	13.9	-3.2	17.3	17.7	-	-	1.5	-3.6	0.4	85.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	321,670 (14.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.4	-5.0	1.2	107.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	260,835 (11.5)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	4.1	1.7	0.6	71.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	395,400 (17.4)	27.2	11.3	19.1	36.3	-	-	3.8	3.4	2.6	-2.6	1.8	174.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	335,026 (14.7)	42.1	18.8	17.4	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	0.6	0.6	2.6	-17.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,007 (1.4)	36.9	21.5	18.1	7.3	23.0	24.2	4.4	3.8	-1.2	-0.6	5.8	-19.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	222,328 (9.8)	16.5	48.3	27.4	-51.9	17.5	22.8	8.2	6.4	0.7	-5.2	0.1	53.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	59,913 (2.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-1.4	-50.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	115,418 (5.1)	11.0	-	36.2	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.0	4.5	1.7	3.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	177,149 (7.8)	10.8	28.4	19.3	-57.0	9.2	13.1	2.4	2.2	2.9	-1.6	-4.1	50.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	58,375 (2.6)	38.4	22.8	12.2	65.7	4.7	7.5	-	-	1.5	0.0	0.6	-18.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	71,684 (3.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.2	-0.4	10.6	109.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	201,968 (8.9)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	2.2	-1.5	-1.3	31.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	23,618 (1.0)	3.6	103.3	26.7	-52.4	0.6	2.3	0.6	0.6	1.4	-0.1	1.7	-13.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	66,927 (2.9)	0.0	12.2	10.2	-4.5	13.2	14.1	1.5	1.4	4.0	-2.3	-0.8	31.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	95,246 (4.2)	46.1	20.8	16.8	-17.5	18.1	20.5	3.6	3.3	5.7	7.8	9.3	9.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,471 (0.9)	31.4	15.9	11.7	-10.5	10.5	13.7	1.5	1.6	1.9	-1.6	2.7	-14.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	16,474 (0.7)	34.1	18.0	10.7	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	1.1	-0.6	-4.1	-5.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,312,201 (57.6)	18.0	7.7	7.4	21.9	40.8	30.2	2.5	1.9	3.5	3.5	10.5	71.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	191,457 (8.4)	36.5	10.8	16.7	-0.5	15.4	9.5	1.5	1.4	3.0	-5.7	-9.9	76.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	105,889 (4.7)	46.5	17.5	18.5	-4.5	11.7	10.5	-	-	1.5	-6.3	-5.9	65.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	629,360 (27.6)	38.9	5.4	7.4	67.9	47.9	25.6	2.1	1.6	4.5	-1.5	20.3	128.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	108,157 (4.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.3	-1.9	-2.9	20.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	53,280 (2.3)	4.6	17.4	15.2	-51.0	16.0	16.1	-	-	2.0	3.0	3.2	-6.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	161,436 (7.1)	39.9	260.6	35.8	-11.9	0.2	2.2	0.7	0.6	7.0	2.5	21.9	37.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	178,495 (7.8)	35.9	10.4	9.8	1.2	14.8	14.5	1.4	1.3	4.0	-4.3	6.2	66.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	167,605 (7.4)	0.0	18.6	14.6	13.7	24.5	27.0	4.1	3.6	0.6	2.3	15.5	59.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	60,202 (2.6)	0.0	19.7	15.7	2.4	20.2	23.4	3.6	3.1	2.2	3.2	8.4	14.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	3,274 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	-1.3	0.3	-67.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	100,531 (4.4)	30.3	37.1	23.1	-75.2	8.0	12.1	2.9	2.7	2.3	-3.1	10.0	40.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	39,719 (1.7)	34.6	16.2	9.1	41.2	13.8	26.3	2.1	2.1	0.2	-1.0	2.0	-18.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,570 (0.2)	45.4	17.5	16.5	10.7	20.3	20.3	3.4	3.0	-1.2	-2.2	-2.7	-5.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	117 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	6.9	3.1	1.9	7.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	180,721 (7.9)	0.0	20.6	17.6	15.5	24.3	25.3	4.4	3.9	1.0	-0.5	1.1	81.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.